

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ IA H LỚP**

Số: 14a/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ia H lớp, ngày 01 tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của UBND xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 /3/ 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017 – 2020.

Căn cứ Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 13/9/2017 của UBND huyện Chư Sê về việc triển khai mở rộng áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 vào hoạt động của Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn huyện Chư Sê.

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng – Thống kê xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Ia H lớp phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

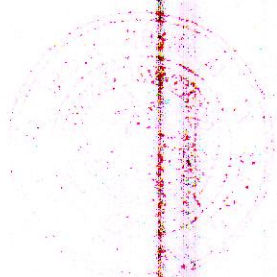
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND - UBND; Công chức chuyên môn của xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- UBND huyện Chư Sê;
- CT, PCT UBND xã;
- VP, CC Chuyên môn xã;
- Lưu VT.





PHỤ LỤC
Các lĩnh vực hoạt động của UBND xã Ia H lớp
được công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2018
của Chủ tịch UBND xã Ia H lớp)

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Ngày ban hành	Lần sửa đổi		Ghi chú
I.	Bộ phận Văn hóa-Xã hội						
1	QT Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng.	QT 01 VHXH	01	01/3/2018			
2	QT Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT 02 VHXH	01	01/3/2018			
3	QT Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT 03 VHXH	01	01/3/2018			
4	QT Xác định lại mức độ khuyết tật và cấp GXN khuyết tật	QT 04 VHXH	01	01/3/2018			
5	QT Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020	QT 05 VHXH	01	01/3/2018			
6	QT Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT 06 VHXH	01	01/3/2018			
II	Bộ phận Tư pháp - Hộ tịch						
7	QT Cấp GXN t/trạng h/nhân cho c/dân VN cư trú t/nước để đ/ký k/hôn với người NN tại cơ quan có t/quyền	QT 01 TPHT	01	01/3/2018			
8	QT Đ/ký khai tử và xóa đăng ký thường trú đối với người chết có đăng ký thường trú tại tỉnh Gia Lai	QT 02 TPHT	01	01/3/2018			
9	QT Liên thông các thủ tục hành chính về đ/ký khai sinh, cấp Thẻ b/hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.	QT 03 TPHT	01	01/3/2018			
10	QT Liên thông các TTHC về đ/ký k/sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT 04 TPHT	01	01/3/2018			
11	QT Chứng thực văn bản khai nhận hoặc thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, QSD đất, nhà ở	QT 05 TPHT	01	01/3/2018			
12	QT Chứng thực văn bản từ chối nhận	QT 06	01	01/3/2018			

	di sản	TPHT					
13	QT Chứng thực di chúc	QT 07 TPHT	01	01/3/2018			
14	QT Cấp bản sao có c/thực từ bản chính HĐ, giao dịch đã được c/thực	QT 08 TPHT	01	01/3/2018			
15	QT Sửa lỗi sai sót trong HĐ, g/dịch	QT 09 TPHT	01	01/3/2018			
16	QT C/thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, g/dịch	QT 10 TPHT	01	01/3/2018			
17	QT C/thực HĐ, giao dịch l/quan đến tài sản là động sản, QSD đất, nhà ở	QT 11 TPHT	01	01/3/2018			
18	QT C/thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký.	QT 12 TPHT	01	01/3/2018			
19	QT C/thực b/sao từ bản chính g/tờ, v/bản do c/quan, t/chức có t/quyền của Việt Nam cấp hoặc c/nhận	QT 13 TPHT	01	01/3/2018			
20	QT Cấp bản sao từ sổ gốc	QT 14 TPHT	01	01/3/2018			
21	QT Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	QT 15 TPHT	01	01/3/2018			
22	QT Tiếp công dân tại xã	QT 16 TPHT	01	01/3/2018			
23	QT Giải quyết tố cáo	QT 17 TPHT	01	01/3/2018			
24	QT Giải quyết khiếu nại, tố cáo- Xử lý đơn, thư	QT 18 TPHT	01	01/3/2018			
25	QT Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT 19 TPHT	01	01/3/2018			
26	QT Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	QT 20 TPHT	01	01/3/2018			
27	QT Trả lại tài sản	QT 21 TPHT	01	01/3/2018			
28	QT Chi trả tiền bồi thường	QT 22 TPHT	01	01/3/2018			
29	QT Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	QT 23 TPHT	01	01/3/2018			
30	QT Công nhận tuyên truyền viên về pháp luật	QT 24 TPHT	01	01/3/2018			

31	QT cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT 25 TPHT	01	01/3/2018			
III. Bộ phận Địa chính:							
32	QT Đề nghị miễn, giảm tiền SDD đối với người có công với CM	QT 01 ĐC	01	01/3/2018			
33	QT Hòa giải tranh chấp đất đai	QT 02 ĐC	01	01/3/2018			
34	QT Cấp lại Giấy C/nhận do bị mất	QT 03 ĐC	01	01/3/2018			
35	QT Cấp đổi Giấy CN QXD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT 04 ĐC	01	01/3/2018			
36	QT Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT 05 ĐC	01	01/3/2018			
37	QT X/nhận tiếp tục SD đất NN của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn SD đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT 06 ĐC	01	01/3/2018			
38	QT Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT 07 ĐC	01	01/3/2018			
39	QT Đ/ký x/lập QSD hạn chế thửa đất l/kê sau khi được cấp GCN lần đầu và đ/ký thay đổi, chấm dứt QSD hạn chế	QT 08 ĐC	01	01/3/2018			
40	QT Đ/ký b/động đối với t/hợp chuyển từ h/thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền SDD sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT 09 ĐC	01	01/3/2018			
41	QT Đ/ký b/động về SDD, TS gắn liền với đất do thay đổi t/tin về người được cấp GCN (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy thân nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền SDD; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về TS gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp GCN	QT 10 ĐC	01	01/3/2018			
42	QT Đ/ký b/động QSX đất, QSH TS g/liền với đất trong các t/hợp g/ quyết t/chấp, k/nại, tố cáo về đ/đai.	QT 11 ĐC	01	01/3/2018			
43	QT Xóa đ/ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng QSD đất, QSH TS g/liền với đất.	QT 12 ĐC	01	01/3/2018			
44	QT Bán hoặc góp vốn bằng TS gắn	QT 13 ĐC	01	01/3/2018			

	liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm						
45	QT Đ/ký biến động QSDĐ, QSH tài sản gắn liền với đất trong t/hợp c/nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền SDD, QSH tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền SDD, QSH tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.	QT 14 ĐC	01	01/3/2018			
46	QT Chuyển đổi QSDĐ nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT 15 ĐC	01	01/3/2018			
47	QT Đ/ký, cấp GCN QSDĐ, quyền SH nhà ở và TS khác gắn liền với đất đối với t/hợp đã chuyển QSDĐ.	QT 16 ĐC	01	01/3/2018			
48	QT Đ/ký, cấp GCN QSDĐ, quyền SH nhà ở và TS khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT 17 ĐC	01	01/3/2018			
49	QT Đ/ký đ/đại mà chưa có nhu cầu được cấp GCN QSDĐ, quyền SH nhà ở và t/sản khác gắn liền với đất	QT 18 ĐC	01	01/3/2018			
50	QT Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT 19 ĐC	01	01/3/2018			
51	QT Xác nhận về tình trạng nhà ở và lập danh sách đối tượng người có công được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn	QT 20 ĐC	01	01/3/2018			
52	QT Đăng ký thường trú	QT 01 CA	01	01/3/2018			
53	QT Đăng ký tạm vắng	QT 02 CA	01	01/3/2018			
54	QT Đăng ký tạm trú	QT 03 CA	01	01/3/2018			
55	QT Lưu trú và thông báo lưu trú	QT 04 CA	01	01/3/2018			
56	QT Tách sổ hộ khẩu	QT 05 CA	01	01/3/2018			
57	QT khai báo tạm vắng	QT 06 CA	01	01/3/2018			

